**1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.**

 **1.1. Thông tin chung về dự án:**

 Tại các Quyết định số 2343/TTg-KTN ngày 24/11/2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Nam Định; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5737237616, về việc Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 17/11/2022. Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông; Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định, tỷ lệ 1/2.000. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Rạng Đông đã được chấp thuận thực hiện đầu tư dự án Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông với tổng diện tích 519,6ha. Dự án đã được khởi công xây dựng từ năm 2017; đến nay đã hoàn thành đường trục, hệ thống đường giao thông, cấp nước và san lấp mặt bằng đạt trên 60% tổng tiến độ dự án.

 Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đến nay đã có 03 doanh nghiệp đã đăng ký và 08 doanh nghiệp khác đang đàm phán hợp đồng đầu tư với diện tích sử dụng là 190,26 ha, nhu cầu sử dụng điện năng ước tính trong năm 2023 khoảng 204,8 triệu Kwh, ước tính đến năm 2030 là 310,2 triệu Kwh.

 Giai đoạn hiện tại, Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định đã đi vào hoạt động với nhu cầu công suất khoảng 15 MVA và được cấp điện từ đường dây 22kV – trạm biến áp 110/35/22kV Nghĩa Lạc.

 Theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 có thể thấy, năm 2025 nhu cầu công suất tiêu thụ điện của Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông bằng 7,8% tổng nhu cầu công suất tiêu thụ điện toàn tỉnh Nam Định; năm 2030 bằng 6,2% tổng công suất nhu cầu toàn tỉnh.

 Nhằm đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển khu vực, cấp điện đảm bảo, an toàn, liên tục cho khu công nghiệp, phụ tải trong khu vực huyện Nghĩa Hưng. Giảm tổn thất công suất, điện năng trên hệ thống lưới điện, đồng thời góp phần ổn định sản xuất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định. Việc đầu tư dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1” là nhiệm vụ cần thiết được đầu tư trong gian đoạn hiện nay.

 Dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1” do Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông (gọi tắt là Công ty) là chủ đầu tư. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0601071816; đăng ký lần đầu ngày 21/7/2015, thay đổi lần thứ 9 ngày 11/11/2022.

 Ngày 05/05/2023, UBND tỉnh Nam Định đã ban hành văn bản số 398/UBND-VP5 đồng ý chủ trương cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông lập thủ tục đầu tư dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1” tại các xã Nghĩa Thành, Nghĩa Lợi và thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng với tổng nhu cầu sử dụng đất vĩnh viễn khoảng 9.821 m2; gồm:

 - 5.700 m2 để xây dựng mới 01 Trạm biến áp 110 kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 công suất 2x63 MVA tại lô HT1 thuộc Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông. Vị trí xây dựng Trạm biến áp 110kV KCN Rạng Đông 1 đã được UBND tỉnh Nam Định chấp thuận tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10/07/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng KCN dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định, tỷ lệ 1/2000.

 - Khoảng 4.121 m2 để xây dựng đường dây 110 kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1 đi qua địa bàn các xã Nghĩa Lợi, Nghĩa Thành và thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng. Trong 4.121 m2 đất chiếm vĩnh viễn có 3.481m2 là đất trồng lúa 02 vụ thu hồi của 15 hộ dân, còn lại là đất quy hoạch hạ tầng của khu công nghiệp và diện tích đất hành lang kênh mương.

 Tổng mức đầu tư dự án là 201.567.000.000 đồng, từ nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động từ các cổ đông, thành viên và chủ thể khác. Thời gian dự kiến thực hiện dự án từ Quý III/2023 – Quý II/2024.

 Trong quá trình triển khai thực hiện dự án sẽ phát sinh các tác động đến môi trường trong vùng bao gồm môi trường tự nhiên (môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất) và môi trường xã hội. Như vậy việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nhằm phân tích các tác động sẽ diễn ra trong quá trình chuẩn bị dự án, quá trình dự án đi vào hoạt động cũng như khi dự án ngừng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đó.

 Căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 35 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; và mục số 6, cột 3 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: dự án có diện tích chuyển mục đích, sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ là khoảng 3.841 m2 thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, do đó dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và UBND tỉnh Nam Định phê duyệt kết quả thẩm định.

 **1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư:**

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

 **1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.**

 Dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1” tại Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, xã Nghĩa Thành, Nghĩa Lợi và thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng là dự án đầu tư mới và phù hợp với các quy hoạch sau:

 - Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

 - Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tỉnh Nam Định đến năm 2035;

 - Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định, tỷ lệ 1/2000;

 - Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030”;

 - Quyết định số 1603/QĐ-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2025 có xét đến 2035 – Quy hoạch hệ thống điện 110kV ”.

 - Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định;

 - Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông, tỉnh Nam Định, tỷ lệ 1/2000;

 - Văn bản số 1073/BCT-ĐL của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh quy mô công suất trạm biến áp 110kV KCN Rạng Đông 1 trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định

 - Công văn số 398/UBND -VP5 của UBND tỉnh Nam Định ngày 05/5/2023 về việc xây dựng công trình TBA 110kV KCN Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1, huyện Nghĩa Hưng.

 - Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

 - Văn bản số 549/UBND-VP5 ngày 12/6/2023 về việc Thống nhất phương án hướng tuyến đường dây 110kV thuộc dự án xây dựng công trình TBA 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1 do Công ty cổ phần kỹ thuật điện BSH Việt Nam lập theo bản vẽ mặt bằng TMB 01 – DZRĐ1.

 - Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bản tỉnh Nam Định.

 **2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM.**

 **2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.**

 **2.1.1. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường:**

 - Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

 - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

 - Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 7/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

 **2.1.2. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đầu tư.**

- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

- Luật số 03/2016/QH14 về sửa đổi, bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư.

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật đầu tư.

- Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 20/8/2016 của Bộ Tài Chính quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

 **2.1.3. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên nước.**

- Luật Tài nguyên Nước năm 2012.

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

 **2.1.4. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi**

 - Luật Thủy lợi năm 2017;

 - Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định pháp lý liên quan.

 **2.1.5. Căn cứ pháp lý về luật đất đai**

- Luật đất đai năm 2013.

- Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính Phủ quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công đồng.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

 **2.1.6. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.**

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13.

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/ 11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về Quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 16/10/2016 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ;

- Thông tư số 11/2021/TT–BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định

- Quy chuẩn 07-2016/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- TCXDVN 33:2006 về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7957:2008 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

**2.1.7. Căn cứ pháp lý về luật doanh nghiệp**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

 - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Doanh nghiệp;

 - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

 **2.1.8. Căn cứ pháp lý về phòng cháy chữa cháy**

- Luật phòng cháy chữa cháy năm 2001.

- Luật phòng cháy chữa cháy năm 2013 về việc sửa, bổ sung một số điều của luật phòng cháy chữa cháy.

- Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- TCVN 2622:1995 - Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình–Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 3890:2023- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

 **2.1.9. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động.**

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

- Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

**2.1.10. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực điện:**

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP.

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

- Quyết định số 2896/QĐ-EVN-KTLĐ-TĐ ngày 10/10/2003 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam về tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống điều khiển tích hợp, cấu hình hệ thống bảo vệ, quy cách kỹ thuật của rơle bảo vệ cho đường dây và trạm biến áp”;

- Quyết định số 513/QĐ-EVN ngày 26/03/2008 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam về việc quy định nghiệm thu hệ thống điều khiển tích hợp trạm biến áp;

- Quy định xây và quản lý vận hành thiết bị SCADA của trạm biến áp và nhà máy điện ban hành kèm theo quyết định số 1208/QĐ-EVN ngày 28/7/2008 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam;

- Quyết định số 1208/QĐ- EVN ngày 28 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc: Ban hành "Quy định xây dựng và quản lý vận hành thiết bị SCADA của trạm biến áp và nhà máy điện";

- Công văn số 4222/EVN NPC-B4 ngày 31/10/2014 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thực hiện hoàn thiện sơ đồ các TBA và Đz 110kV;

- Công văn số 4725/EVN-KTSX ngày 11/11/2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc “Định hướng phát triển trung tâm điều khiển xa và TBA không người trực”;

- Công văn số 5595/EVNNPC-QLXD ngày 15/12/2015 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc “Xây dựng đề án trung tâm điều khiển xa và TBA không người trực”;

- Quyết định số 255/QĐ-EVN ngày 14/03/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Quy định Về công tác khảo sát phục vụ thiết kế các công trình điện áp dụng trong Tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 176/QĐ-EVN ngày 4/3/2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định hệ thống điều khiển trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Quy phạm trang bị điện 2006;

- Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 1/12/2015 của bộ công thương về quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện;

- Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của bộ công thương về quy định hệ thống điện phân phối;

- Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của bộ công thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của bộ trưởng bộ công thương quy định hệ thống điện truyền tải và thông tư số 39/2015/tt-bct ngày 18 tháng 11 năm 2015 của bộ trưởng bộ công thương quy định hệ thống điện phân phối;

- Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương về việc "Quy định hệ thống điện truyền tải";

- Bộ quy định đặc tính kỹ thuật cơ bản các thiết bị lưới điện truyền tải ban hành kèm theo Quyết định số 63/QĐ-EVNNPT ngày 15/01/2018 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia.

- Quyết định số 1063/QĐ-BCT ngày 21/3/2016 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035 – Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV.

- Quyết định số 2343/TTg-KTN ngày 24/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Nam Định đến năm 2020;

- Căn cứ lệnh sản xuất số 2192/PCNĐ-PKHVT ngày 02/06/2020 của Công ty Điện lực Nam Định về việc lập phương án ĐTXD năm 2022.

 **2.1.12. Quy chuẩn môi trường Việt Nam áp dụng:**

- TCVN 5208-1991 – Kỹ thuật an toàn trong lao động;

- TCVN 5308-1991 – Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

- TCVN 4086:1995 – Tiêu chuẩn an toàn điện trong xây dựng;

- TCXDVN 338-2005 – Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu thép;

- TCXDVN 356-2005 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 33:2006 – Cấp nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 01:2008/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

- QCVN 03:2011/BLĐTBXH – An toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hành điện;

- QCVN 07:2012/BLĐTBXH – An toàn lao động đối với thiết bị nâng;

 - QCVN 07-5:2016/BXD – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;

- Quy phạm trang bị điện của Bộ Công Nghiệp 11TCN-18-2006; 11TCN-19-2006; 11TCN-20-2006; 11TCN-21-2006;

- Quyết định số 1157/QĐ-EVN ngày 19/12/2014 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm;

 **2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.**

- Văn bản số 743-TB/TU ngày 05/5/2023 của Tỉnh uỷ Nam Định về chủ trương nghiên cứu khảo sát, lập thủ tục đầu tư Dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1”.

- Văn bản số 398/UBND-VP5 ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương cho Công ty cổ phần đàu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông lập thủ tục đầu tư dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1”.

- Văn bản số 549/UBND-VP5 ngày 12/6/2023 về việc Thống nhất phương án hướng tuyến đường dây 110kV thuộc dự án xây dựng công trình TBA 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1 do Công ty cổ phần kỹ thuật điện BSH Việt Nam lập theo bản vẽ mặt bằng TMB 01 – DZRĐ1.

- Văn bản số 361/UBND-TCKH ngày 20/4/2023 của UBND huyện Nghĩa Hưng về việc tham gia ý kiến về đầu tư xây dựng công trình trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1;

- Văn bản số 813/SXD-QH ngày 25/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định về việc đầu tư công trình TBA 110kV khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1.

- Văn bản số 433/BQLCKCN-ĐTQH ngày 21/4/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định về việc đầu tư xây dựng công trình TBA 110kV khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1;

- Văn bản số 1425/STNMT-QHKHĐĐ ngày 20/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định về việc lập thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình TBA 110kV khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1;

- Văn bản số 28/UBND ngày 19/5/2023 của UBND xã Nghĩa Thành về việc thoả thuận tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1 vị trí các cột điện thuộc khu vực xã Nghĩa Thành;

- Văn bản số 37/CV-UBND ngày 25/5/2023 của UBND xã Nghĩa Lợi về việc thoả thuận tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1;

- Văn bản số 191/UBND ngày 25/5/2023 của UBND Thị trấn Rạng Đông về việc thoả thuận tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1 thuộc địa bàn thị trấn Rạng Đông huyện Nghĩa Hưng;

- Văn bản số 510/SCT-QLNL ngày 18/4/2023 của Sở Công thương tỉnh Nam Định về việc đầu tư công trình TBA 110kV khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1.

- Văn bản số 735/STC-TCDN ngày 21/4/2023 của Sở Tài chính tỉnh Nam Định về việc đầu tư công trình TBA 110kV khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1.

- Văn bản số 1057/PCNĐ-KT ngày 20/4/2023 của Công ty Điện lực Nam Định về đề xuất đầu tư xây dựng công trình TBA 110 kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV đấu nối.

- Văn bản số 97/CV-CT ngày 17/4/2023 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Nghĩa Hưng về việc thoả thuận xây dựng móng cột VT15 thuộc tuyến đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1 nằm trong phạm vi kênh Âm Sa 14b xã Nghĩa Thành huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

 **2.3. Nguồn tài liệu, dữ liệu do chủ dự án cung cấp:**

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1”.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0601071816; đăng ký lần đầu ngày 21/7/2015, thay đổi lần thứ 9 ngày 11/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tỉnh Nam Định cấp.

- Các văn bản, tài liệu liên quan khác.

 **3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM.**

 **3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM.**

 Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu và đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

 - Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:

 + Nghiên cứu dự án: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thuyết minh Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa – xã hội địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường (khu vực dự án) trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Tham vấn cộng đồng dân cư khu vực dự án.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

- Nội dung và cấu trúc:

 Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo đúng mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

 Cơ quan tư vấn lập báo cáo ĐTM:

 Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát

 Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

 **4. CÁC PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐTM.**

 **4.1. Các phương pháp ĐTM.**

 - Phương pháp thống kê các số liệu môi trường: Phương pháp thống kê là phương pháp rất hữu hiệu để chỉ ra các tác động và có khả năng thống kê đầy đủ các tác động cần chú ý trong quá trình đánh giá tác động của dự án. Phương pháp thống kê có ưu điểm đơn giản, dễ thực hiện và kết quả khá rõ ràng. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có mặt hạn chế là không thể đánh giá được một cách định lượng cụ thể và chi tiết các tác động của dự án. Vì thế phương pháp liệt kê thường chỉ được sử dụng trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, từ đó khoanh vùng hay giới hạn phạm vi các tác động cần đánh giá. Phương pháp này được áp dụng để liệt kê đầy đủ các nguồn gây tác động đến dự án và được thể hiện ở phần chương 3 của báo cáo.

 - Phương pháp đánh giá nhanh: Phương pháp này do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập nhằm ước tính tải lượng khí thải và các chất ô nhiễm trong nước thải của Dự án. Tuy nhiên kết quả này chỉ mang tính chất tương đối do nhiều nguyên nhân như:

 + Điều kiện phương tiện;

+ Hệ thống giao thông;

+ Các quá trình đốt cháy nhiên liệu;

+ Việc dùng các hệ số cho các loại nguyên nhiên liệu là tương đối;

Vì vậy việc sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa trên cơ sở hệ số phát thải trong báo cáo mang tính chất tham khảo và để đối chứng trước khi sử dụng các phương pháp khác để đánh giá tác động môi trường của Dự án đối với các hợp phần tự nhiên và kinh tế xã hội.

Phương pháp này được sử dụng trong phần đánh giá các tác động môi trường của dự án tại chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này dùng để đánh giá các tác động của dự án trên cơ sở so sánh, đánh giá với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam về môi trường đối với các thành phần môi trường không khí, nước, đất, tiếng ồn… Phương pháp này được áp dụng trong phần hiện trạng môi trường và phần đánh giá tác động môi trường dự án tại chương 2 và chương 3 của báo cáo.

 **4.2. Các phương pháp khác.**

 - Phương pháp kế thừa tài liệu: Để phục vụ nội dung báo cáo ĐTM, phương pháp thu thập số liệu được sử dụng là phương pháp thu thập số liệu từ tài liệu tham khảo. Phương pháp này dựa trên nguồn thông tin thu thập được từ những tài liệu tham khảo do chủ dự án cung cấp và các nguồn tài liệu chính thống khác để xây dựng cơ sở luận cứ nhằm chứng minh các giả thuyết. Cùng với việc thu thập số liệu, báo cáo ĐTM kế thừa có chọn lọc các thông tin, số liệu sẵn có từ các tài liệu tham khảo cùng với các số liệu điều tra thực địa để hoàn thiện báo cáo. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt các nội dung của báo cáo ĐTM.

 - Phương pháp phân tích tổng hợp: là phương pháp dựa trên cơ sở phân tích, tổng hợp các số liệu thu thập được để đưa ra những nhận định về hiện trạng, từ đó đánh giá các tác động và xây dựng các biện pháp giảm thiểu, xử lý những tác động đó. Phương pháp này được áp dụng tại Chương 3 của báo cáo ĐTM.

 - Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm: Nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất, nước tại khu vực thực hiện dự án và lân cận phục vụ cho việc đánh giá tác động môi trường, xây dựng các chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án. Phương pháp này được áp dụng tại Chương 2 của báo cáo ĐTM.

 - Phương pháp tham vấn ý kiến cộng đồng: Phương pháp này được áp dụng tại chương V của báo cáo ĐTM. Tham vấn cộng đồng là sự ghi nhận sự tham gia của cộng đồng trong quá trình lập, thẩm định báo cáo ĐTM. Mục đích của việc làm này nhằm đảm bảo quyền lợi của các nhóm đối tượng chịu tác động từ dự án, đồng thời hỗ trợ quá trình ra quyết định đối với các dự án phát triển.

 **5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM.**

 **5.1. Thông tin về dự án:**

 **5.1.1. Thông tin chung:**

 - Tên dự án: “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ Khu công nghiệp Rạng Đông 1”.

 - Địa điểm thực hiện dự án: KCN dệt may Rạng Đông và thị trấn Rạng Đông, xã Nghĩa Lợi, xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

 - Chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông

 **5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:**

 Công trình “Xây dựng công trình Trạm biến áp 110KV KCN Rạng Đông 1 và đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1” có quy mô và phạm vi như sau:

 - Phần đường dây: Xây dựng đường dây 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV KCN Rạng Đông 1 từ điểm đấu nối (vị trí cột 68 thuộc đường dây 110kV nhánh rẽ Đông Bình), dài khoảng 4,3 km, tiết diện dây AC-300, được xây dựng trên địa phận thị trấn Rạng Đông, xã Nghĩa Lợi, xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

 - Phần TBA 110kV: Xây dựng mới trạm biến áp 110/22kV KCN Rạng Đông 1 với quy mô lắp đặt 02 máy biến áp, công suất 2x63 MVA, việc đầu tư lắp đặt các máy biến áp phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng điện của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN. TBA 110kV KCN Rạng Đông 1 được xây dựng tại KCN Dệt may Rạng Đông, thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

 \* Phần trạm biến áp 110KV:

 - Trạm xây dựng kiểu nửa trong nhà, nửa ngoài trời với quy mô lắp 02 máy biến áp 110/22 kV - 2x63 MVA, giai đoạn này lắp trước 01 máy biến áp 110/22kV 63MVA.

 - Phía 110kV: thiết kế theo sơ đồ thanh cái có phân đoạn; bao gồm 02 ngăn đường dây, 01 ngăn MBA T1, 01 ngăn liên lạc;

 - Phía 22kV: thiết kế theo sơ đồ thanh cái có phân đoạn, bao gồm các tủ hợp bộ 22kV đặt trong phòng phân phối trung áp;

 - Hệ thống điều khiển bảo vệ: Trang bị hệ thống điều khiển máy tính, các thiết bị điều khiển bảo vệ tiên tiến phù hợp với phương thức điều khiển hiện tại và kết nối với hệ thống máy tính.

 - Hệ thống thông tin viễn thông và SCADA: Trang bị thiết bị đầu cuối, giúp thu thập, giám sát, điều khiển các thiết bị trong trạm, kết nối với trung tâm điều độ HTĐ miền Bắc A1.

 - Hệ thống nối đất, chống sét, chiếu sáng: bố trí các kim thu sét trên các cột pooctich, cột chiếu sáng. Hệ thống tiếp địa: sử dụng hệ thống lưới - cọc tiếp địa bố trí xung quanh trạm để tạo mạch vòng nối đất, bố trí thêm các giếng tiếp địa, đảm bảo các quy định hiện hành.

 - Phần xây dựng: Các phòng điều khiển, phòng phân phối trung thế, phòng Ắc quy...trong nhà điều khiển phân phối được bố trí phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý vận hành và phù hợp với điều kiện khí hậu thời tiết Việt Nam, đảm bảo cảnh quan khu vực. Mặt bằng bố trí trạm phải được xem xét đồng bộ để vừa đảm bảo mỹ quan, vừa thuận lợi trong quá trình vận hành lâu dài khi sửa chữa cải tạo, xử lý sự cố và phòng chống cháy nổ... Xây dựng các công trình phụ trợ: hố thu dầu, bể dầu sự cố, hệ thống thoát nước phục vụ trong trạm.

 \* Phần đường dây:

 - Xây dựng đường dây 110kV mạch kép cấp điện TBA 110kV KCN Rạng Đông 1 từ điểm đấu nối (vị trí cột 68 nhánh rẽ đến TBA 110kV Đông Bình), chiều dài khoảng 4,3 km, tiết diện dây AC-300.

 - Cấp điện áp: 110kV;

 - Chiều dài: 4,3 km;

 - Kiểu đường dây: đường dây không, sử dụng cột thép hình;

 - Số mạch: 02 mạch;

 - Dây dẫn: AC-300/39.

 **5.1.3. Công nghệ sản xuất:**

 Điện năng từ đường dây 110kV nhánh rẽ KCN Rạng Đông 1 được đấu nối vào TBA 110 kV KCN Rạng Đông 1, điện áp trung thế từ sau TBA 110kV hòa vào lưới điện trung thế trong Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông và phân phối tới các đơn vị thứ cấp trong KCN để sử dụng cho hoạt động vận hành, sản xuất.

 **5.1.4.Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

 Căn cứ điểm đ, khoản 4, điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và mục số 6 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì yếu tố nhạy cảm của dự án được xác định là đất trồng lúa nước 2 vụ với diện tích 5.587m2 có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐND tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai.

 **5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường.**

 \* Giai đoạn thi công xây dựng dự án.

- Tác động của khí thải, bụi đất, bụi cát trong quá trình bóc tách tầng đất mặt, đào hố móng thi công tuyến đường dây, san nền khu vực trạm biến áp quá trình vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện vận tải; hoạt động thi công xây dựng; hoạt động hàn kết cấu; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng.

- Tác động của tiếng ồn, rung, nhiệt độ từ các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

- Tác động của nước thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Tác động của chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ các hoạt động thi công xây dựng.

- Tác động của chất thải nguy hại trong quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị, thi công.

 \* Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Tác động của bụi, khí thải: bụi, khí thải từ quá trình đi lại của CBCNV vận hành, bảo dưỡng định kỳ trạm biến áp và hệ thống đường dây;

- Tác động của nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của cán bộ vận hành, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ trạm biến áp và hệ thống đường dây,....

- Tác động của chất thải rắn thông thường (chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp); chất thải nguy hại; tiếng ồn, nhiệt độ, độ rung.

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính của dự án.**

**5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:**

 **a) Bụi, khí thải:**

 \* Nguồn phát sinh: khí thải, bụi đất, bụi cát,…từ quá trình bóc tách tầng đất mặt; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện vận tải; từ hoạt động thi công xây dựng; hoạt động đào đắp đất; hoạt động hàn kết cấu; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu

 \* Tác động: Bụi, khí thải từ hoạt động thi công xây dựng ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công trên công trường; hoạt động sản xuất nông nghiệp gần khu vực dự án. Gây bệnh cho con người như bệnh viêm đường hô hấp, viêm da, bệnh đường tiêu hóa,…

 **b) Tiếng ồn, rung, nhiệt độ:**

\* Nguồn phát sinh: từ các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

\* Tác động: Khi máy móc hoạt động với cường độ lớn trong thời gian dài gây ảnh hưởng đến cơ thể con người ban đầu gây khó chịu nếu ở mức độ nặng sẽ thay đổi hoạt động của tim. Rung động kết hợp với tiếng ồn làm cơ quan thính giác bị mệt mỏi dẫn đến bệnh điếc nghề nghiệp. Người lao động khi làm việc ngoài trời ở nhiệt độ cao bị mất nhiều mồ hôi sẽ làm mất một số lượng muối của cơ thể. Cơ thể mệt mỏi, đau đầu, chóng mặt, buồn nôn làm giảm sự chú ý trong lao động.

**c) Nước thải**

\* Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường.

- Tải lượng: Tổng tải lượng nước thải sinh hoạt vào ngày lớn nhất là 3m3/ngày.

 \* Nước thải thi công:

 - Nguồn phát sinh: nước rửa xe, nước rửa nguyên vật liệu, nước vệ sinh máy móc thiết bị,…

 - Tải lượng nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng không ổn định, tùy thuộc vào từng công đoạn xây dựng, ước tính khoảng 2m3/ngày.

 \* Tác động của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân xây dựng: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất bài tiết với thành phần chất thải hữu cơ cao. Nếu không thu gom xử lý xả nước thải xuống sông, kênh mương, các vi sinh vật sẽ oxy hóa sinh học các chất hữu cơ, kết hợp với sự phát triển quá mức của tảo do hàm lượng N, P trong nước thải lớn.

- Nước thải thi công xây dựng: Lượng nước thải tạo ra từ thi công các hạng mục nhìn chung không nhiều. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng ngay trên các tuyến thoát nước thi công tạm thời.

**d) Chất thải rắn thông thường:**

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trên công trường

- Tải lượng: 20kg/ngày

\* Chất thải rắn xây dựng:

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình dự án

- Tải lượng: 12,433 tấn.

\* Tác động: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng: Chất thải nếu không được thu gom, xử lý kịp thời sẽ phát sinh bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và bị cuốn trôi theo nước mưa xuống kênh mương nội đồng làm tắc nghẽn, gây ngập úng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, rơi xuống đường ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông của người dân. Chất thải rắn sinh hoạt dễ phân hủy phát sinh mùi và khí độc, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

**e) Chất thải nguy hại**

\* Nguồn phát sinh: Từ hoạt động thi công xây dựng, hoạt động sơn tường, hoạt động hàn, trải bê tông nhựa

\* Tải lượng: khoảng 29,4kg

\* Tác động của chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại có nguy cơ tiềm tàng gây ô nhiễm môi trường không khí, gây độc đối với hệ sinh thái và con người trong khu vực. Các chất thải nguy hại khi phát tán vào môi trường nước, đất các động thực vật sử dụng nguồn nước này sẽ bị tích luỹ các chất độc vào cơ thể có thể gây nhiễm độc mãn tính và chúng cũng là mắt xích của chuỗi thức ăn, dẫn đến các chất độc sẽ tích luỹ sinh học trong chuỗi thức ăn và có thể ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

**f) Chất thải rắn từ hoạt động bóc tách tầng đất lúa 02 vụ:**

Sau khi bóc tách tầng đất mặt đất lúa 02 vụ và đào lớp đất sét để tạo hố móng, đổ bê tông móng thì toàn bộ lượng đất sét đào lên sẽ được lấp trở lại lên trên hố móng, cuối cùng phủ toàn bộ lớp đất mặt bóc tách lên trên để trả lại hiện trạng hạn chế ảnh hưởng tới tầng đất mặt khu vực xung quanh dự án. Do đó dự án không phát sinh chất thải rắn từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt.

**5.3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:**

 **a) Bụi, khí thải.**

 \* Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động giao thông của cán bộ công nhân viên vận hành, bảo trì và bảo dưỡng trạm biến áp và hệ thống đường dây định kỳ.

 \* Tác động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tham gia giao thông, tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều hay ít có thể mắc bệnh hô hấp, bệnh viêm da, bệnh tiêu hóa. Tuy nhiên với số lượng 4 công nhân viên thì mức độ tác động của bụi, khí thải từ hoạt động giao thông tới môi trường xung quanh là không đáng kể.

**b) Chất thải rắn thông thường:**

\* Nguồn phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 1,6 kg/ngày

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động, phân phối điện, các thiết bị thay thế trong hệ thống phân phối điện được thải ra gồm: Dây, cáp điện, sứ, thuỷ tinh, các thanh sắt...khoảng 65kg/năm.

\* Tác động của chất thải rắn thông thường: Đối với những loại chất thải rắn khó phân hủy sinh học như nhựa, kim loại, nylon,... khi thải vào môi trường làm mất mỹ quan, tích tụ trong đất, nguồn nước, gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nướclàm ách tắc dòng chảy cục bộ. Chất thải rắn ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, môi trường đất khu vực công ty và làm mất mỹ quan môi trường. Đối với chất thải có thể dễ phân hủy sinh học như lá cây, thức ăn sẽ phát sinh ra các khí gây nên mùi hôi, thối (H2S, mercaptan), gây tác động đến chất lượng không khí khu vực, ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động.

**c) Chất thải nguy hại.**

\* Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường dây và trạm biến áp.

\* Tải lượng:Tổng khối lượng CTNH phát sinh khoảng 10 kg/năm.

\* Tác động của CTNH: Chất thải từ hoạt động sản xuất khi phát tán vào môi trường nước, khi động thực vật sử dụng nguồn nước này sẽ bị tích luỹ các chất độc vào cơ thể có thể gây nhiễm độc mãn tính và chúng cũng là mắt xích của chuỗi thức ăn, dẫn đến các chất độc sẽ tích luỹ sinh học trong chuỗi thức ăn và ảnh hưởng tới sức khoẻ con người. Những thành phần nguy hại này nếu ngấm xuống môi trường đất, khu vực ruộng canh tác của người dân sẽ làm hư hại hoa màu của người dân, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống thu nhập của người dân.

Chất thải nguy hại có khả năng gây độc tiềm tàng đối với động, thực vật và sức khoẻ con người nếu như không được quản lý theo đúng quy định.

**d) Nước thải**

\* Nguồn phát sinh, tải lượng:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên vận hành, bảo trì, bảo dưỡng trạm phát sinh khoảng 0,25m3/ngày

 \* Tác động của nước thải:

Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong công ty. Thành phần chủ yếu là hợp chất hữu cơ đặc trưng bởi các thông số COD, BOD5, N, P... nếu không được xử lý trước khi ra nguồn tiếp nhận sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nước mặt, nước ngầm, môi trường đất.

**e) Tiếng ồn, nhiệt độ: không phát sinh.**

**5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.**

**5.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án**

**a. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ di động gần khu vực lán trại. Nhà vệ sinh di động vật liệu chế tạo bằng composite không han rỉ, bền với thời gian. Dung tích bể chứa chất thải: 3m3.

- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng: Đơn vị thi công khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước ra mương nội đồng hoặc cống thu gom thoát nước chung của KCN.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn; Bố trí hố ga lắng cặn và rãnh tiêu thoát nước kịp thời, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ. Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.

**b. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường**

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng rác (thể tích 50lít/thùng) tại Nhà điều khiển để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của xã theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Chủ dự án sẽ quy hoạch vị trí tập kết phù hợp, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và không ảnh hưởng đến quá trình thi công xây dựng đồng thời giám sát nhà thầu thực hiện. Xây dựng kế hoạch vận chuyển và hợp đồng xử lý chất thải xây dựng, thời gian lưu chứa chất thải không quá 03 ngày.

**c. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại:**

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Chủ dự án sẽ bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5m2 có mái che bố trí gần khu vực kho chứa sắt thép, xi măng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 05 thùng chứa (thể tích 100 lít/thùng).

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

**d. Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.**

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, không để vật liệu rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

**5.4.2. Giai đoạn vận hành dự án:**

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án.

- Hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa của Trạm biến áp.

- Hệ thống đường cống thu gom và thoát nước thải của Trạm biến áp.

- Bể tự hoại xử lý nước thải tại Trạm biến áp.

 - Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường

**a. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.**

\* Hệ thống thoát nước mưa

 Nước mưa được thoát trực tiếp 1 phần thẩm thấu tự nhiên. Phần còn lại theo mặt đường theo độ dốc chảy vào các hố ga kích thước 1,0x1,0m thu nước đặt cạnh lề đường và từ đó theo các đường ống D200, D100, D300 thiết kế xung quanh trạm biến áp dẫn thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông tại vị trí X = 2210369, Y= 569055;

 \* Hệ thống thoát nước thải từ nhà vệ sinh

 Chủ đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 3m3 xây ngầm cạnh kho phía Tây Nam của khu vực Trạm biến áp. Nước thải được thu gom từ nhà vệ sinh, đưa về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống D100 (có chiều dài 37m) đấu nối vào hệ thống cống thu gom, thoát nước thải chung của KCN Dệt may Rạng Đông qua 01 cửa xả (Vị trí toạ độ: X: 2210356,76; Y: 569029,602, theo Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105030’, múi chiếu 30) để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Rạng Đông để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn 40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra ngoài môi trường.

 Hố thu dầu có kích thước 10.0 x 7.0m, tường bao quanh hố thu dầu xây gạch B5(M75). Đáy hố thu dầu bằng bê tông B12.5 (M100). Trong lòng hố thu dầu đổ lớp đá 4x6 dày trung bình 0.35m.

 Bể chứa dầu sự cố: Bể chứa dầu sự cố được xây chìm với độ sâu -3,35m dài 5.60m, rộng 4.50m. Thành và đáy bể dầu đổ bê tông cốt thép B20 dày 200mm, bể được chia làm 3 ngăn thông nhau với hướng dầu vào và ra ở 2 ngăn khác nhau.

 Khi xảy ra sự cố, dầu từ máy biến áp xuống hố thu dầu chảy theo đường ống thép D=200 vào bể chứa dầu sự cố có dung tích chứa V=60 m3. Tại đây, dầu được phân ly khỏi nước và giữ lại để thu hồi. Với thể tích bể dầu sự cố là 60 m3 sẽ đảm bảo cho 01 máy khi có xảy ra sự cố vì khối lượng dầu máy là 27 tấn cho 01 máy (tương đương với 33m3 dầu).

**b. Các công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH.**

- Bố trí 1 thùng có thể tích 50 lít/thùng nắp đậy kín đặt tại khu vực nhà điều khiển gia để chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hàng ngày được đơn vị thu gom rác thải của địa phương thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí 01 thùng thể tích 100 lít đặt tại nhà điều khiển để lưu chứa CTR công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 1 năm/lần.

 - CTNH khi phát sinh trong quá trình kiểm tra, bảo dưỡng trạm và hệ thống đường dây sẽ được cán bộ công nhân viên phân loại ngay tại nguồn phát sinh, sau đó đưa về khu vực lưu giữ CTNH được bố trí tại khu văn phòng của công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông để lưu chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

**d. Các công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

\* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ máy biến áp, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Tại các khu vực đặt máy biến áp lắp đặt các thiết bị chống rung, chống ồn.

**e. Công trình biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành.**

 Cháy, nổ do phóng điện hồ quang trên đường dây truyền tải

 Khu vực đường dây đi qua, chủ đầu tư sẽ cắm biển báo phóng điện để người dân được biết. Ngoài ra sẽ tiến hành tuyên truyền cho người dân về an toàn điện.

 Trong quá trình vận hành, khi có sự cố các rơle bảo vệ đặt trên tuyến đường dây sẽ tự động ngắt mạch. Khi đó, công nhân vận hành nhanh chóng đến hiện trường để giải quyết.

 Hành lang an toàn phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo đúng Nghị định 14/2014/NĐ-CP của chính phủ, như vậy sẽ hạn chế sự cố phóng điện do đường dây gây ra.

 Chập điện, mất trộm thiết bị

 Các dây dẫn điện trần phải được mắc cách xa nhau 0,25 m.

 Không sử dụng dây thép, đinh... để buộc, giữ cố định dây dẫn điện.

 Các dây nối vào phích cắm, đui dèn, máy móc phải chắc, gọn, điện nối vào mạch ở 2 đầu dây pha và trung tính không được chồng lên nhau.

 Để ứng phó sự cố cháy nổ, điện giật, chập điện, trong quá trình kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đội bảo dưỡng đường dây sẽ thực hiện các biện pháp sau:

 + Tại từng vị trí cột điện kiểm tra tình trạng của biển báo, ký hiệu nguy hiểm và sửa chữa, bổ sung kịp thời để cảnh báo người dân và gia súc không được tiếp xúc với vị trí móng cột.

 + Kiểm tra thiết bị nối đất ở từng vị trí móng cột theo quy định.

 + Kiểm tra hệ thống chống sét ở tất cả các cột; màu sơn (theo quy định) các cột có độ cao trên 50 m.

 + Kiểm tra theo định kỳ cây cối ngoài hành lang an toàn có khả năng ảnh hưởng đến sự an toàn của đường dây.

 + Kết hợp với chính quyền địa phương huyện, xã tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn hành lang an toàn đường dây tải điện cho cộng đồng người dân sống gần khu vực có tuyến đường dây đi qua. Hình thức: kết hợp thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã, dán biểu phổ biến kiến thức tại UBND xã.

 - Khi xảy ra sự cố:

 + Thông báo ngay lập tức cho bộ phận vận hành đường dây để ngắt điện kịp thời.

 + Thông báo nhanh cho đơn vị chức năng khác, tuân theo quy trình khắc phục sự cố cháy nổ do điện.

 - Mất trộm thiết bị:

Nghiêm cấm tất cả các đối tượng có hành vi phá hoại các thiết bị trên cột và đường dây điện.

Đơn vị vận hành phối hợp với chính quyền địa phương, công an địa phương thường xuyên kiểm tra tuyến đường dây, điều tra, xử lý các trường hợp trộm cắp thiết bị.

 Đứt đường dây điện hoặc dây chống sét

Lựa chọn tiết diện dây hợp lý, dây dẫn lựa chọn đảm bảo khả năng tải trong các trường hợp bình thường và sự cố nặng nề nhất, đáp ứng được yêu cầu ổn định của hệ thống.

Khi có sự cố đứt đường dây thì các rơle tự động ngắt điện và hệ thống báo động sẽ làm việc. Khi đó, công nhân vận hành nhanh chóng đến hiện trường để giải quyết.

 Đổ, nghiêng trụ điện cao thế

Khảo sát địa chất khu vực đầy đủ và đúng yêu cầu kỹ thuật trước khi xây dựng công trình.

Thiết kế móng, cột trên cơ sở kết quả khảo sát địa chất có tham khảo tài liệu địa chất của khu vực dự án và các vị trí xung quanh.

Quá trình thi công tuân thủ đúng thiết kế và các quy định, quy trình kỹ thuật về thi công móng cột.

Định kỳ kiểm tra chất lượng công trình, kịp thời khắc phục các sự cố sụt lún xảy ra.

Để phòng chống xói mòn, sạt lở đất vị trí xung quanh móng cột điện; nghiêng, đổ cột điện cao thế các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện nghiêm túc:

+ Kiểm tra sự ổn định của móng cột, hệ thống chống xói trôi đất, kè chống sạt lở, hệ thống thoát nước (nếu có), phát hiện sớm các sự cố lún, nứt, xói lở đất đá kịp thời.

+ Thường xuyên gia cố móng cột định kỳ.

Khi phát hiện sự cố sạt lở đất, nghiêng, xói mòn móng cột có nguy cơ gây nghiêng, đổ cột điện, đơn vị quản lý, vận hành ngay lập tức thực hiện:

+ Cử ngay đội công nhân, kỹ sư đến hiện trường xử lý sự cố: gia cố móng,...

+ Tập trung ứng cứu và bồi thường, hỗ trợ nếu sự cố sạt lở đất, nghiêng, đổ cột điện gây bồi lấp dòng chảy, nhà ở, công trình và đất sản xuất của người dân.

+ Kiểm tra quá trình gia cố móng cột, nghiên cứu lại địa chất, có thể chuyển cột sang vị trí mới, xây dựng lại móng cột nếu có sự cố nghiêm trọng xảy ra.

Sự cố đối với máy biến áp

Trong quá trình vận hành, nếu thấy MBA có những biểu hiện bất thường như có tiếng kêu khác lạ, máy bị nóng quá mức, phát nóng cục bộ ở đầu cốt sứ hay bộ điều chỉnh điện áp hoạt động không ổn định thì phải tìm ra nguyên nhân ngay lập tức và báo cho cấp quản lý để ghi vào sổ nhật ký vận hành.

Khi lắp đặt MBA tại trạm, chủ đầu tư phải thường xuyên có sự kiểm tra và giám sát chặt chẽ để tránh trường hợp công nhân lắp ráp thực hiện các thao tác không đúng kỹ thuật như lắp lệch hoặc làm hỏng các êcu ty sứ, làm hở đối với máy kín… Điều này có thể ảnh hưởng và gây sự cố khi máy được vận hành.

Đối với các MBA có chế độ đóng điện vận hành bất thường thì cần có sự kiểm soát và tuân thủ việc hướng dẫn của nhà chế tạo để thử nghiệm trước khi

tiến hành đóng điện lại. Khi MBA có trục trặc xảy ra phải bắt đúng bệnh để kịp thời xử lý.

Trong các trường hợp sau đây MBA phải được đưa ra khỏi hệ thống vận hành: có tiếng kêu mạnh không đều và tiếng phóng điện bên cạnh máy, máy nóng lên liên tục trong điều kiện làm mát bình thường và phụ tải định mức, dầu tràn ra ngoài máy, mức dầu hạ quá thấp so với mức quy định, dầu đột ngột thay đổi màu sắc, đầu cốt nóng đỏ…

Khi MBA quá tải cao hơn so với mức quy định, cần tìm biện pháp điều chỉnh và giảm bớt phụ tải của máy. Đồng thời, khi nhiệt độ dầu trong MBA tăng lên quá mức giới hạn phải tiến hành giảm bớt nhiệt độ bằng việc kiểm tra phụ tải của máy cũng như nhiệt độ môi trường làm mát, thiết bị làm mát và tình trạng thông gió của buồng đặt máy.

Trong trường hợp nhiệt độ của MBA lên cao nhưng không rõ nguyên nhân nên cắt điện để sửa chữa. Nếu điều kiện vận hành không cho phép cắt điện hoặc vẫn có thể sửa chữa khi không cần cắt máy thì chỉ cần ngưng hoạt động của thiết bị làm mát. Đồng thời, điều chỉnh để giảm bớt phụ tải sao cho phù hợp với với công suất của MBA trong điều kiện vận hành không có thiết bị làm mát.

Còn khi mức dầu hạ thấp quá mức quy định thì cần phải tiếp tục bổ sung lượng dầu cần thiết theo đúng quy trình.

**5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án: Không**

**5.5.1. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình chuẩn bị dự án.**

 Mục đích của việc quan trắc và giám sát môi trường trong giai đoạn này là xác định hiện trạng môi trường khu vực trước khi dự án thực hiện. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường giai đoạn này sẽ là kết quả môi trường nền để so sánh với các kết quả quan trắc trong giai đoạn tiếp theo trong quá trình thực hiện dự án. Phần này nêu cụ thể ở phần hiện trạng môi trường tại chương II.

**5.5.2. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình xây dựng dự án.**

**a. Giám sát chất thải**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công. Giám sát lưu lượng/ tổng lượng thải và công tác thu gom, xử lý chất thải.

Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

Tần suất giám sát: Hằng ngày trong thời gian thi công.

Giám sát an toàn lao động, an toàn giao thông

Giám sát thực hiện các biện pháp giảm thiểu an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động của nhà thầu trong thời gian thi công.

Vị trí giám sát: Tại công trường thi công và trên tuyến đường vận chuyển thi công.

Tần suất giám sát: Hằng ngày trong thời gian thi công.

Giám sát nguy cơ xảy ra sự cố

Giám sát các hiện tượng trượt, sụt, lở, xói mòn tại các vị trí cột móng. Giám sát tác động đến hệ sinh thái do các hoạt động thi công xây dựng.

Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

Tần suất giám sát: Hằng ngày trong thời gian thi công.

**5.5.3. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình dự án đi vào vận hành.**

\* Giám sát môi trường nước thải, khí thải: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

 \* Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

 - Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải sinh hoạt, kho chứa rác thải công nghiệp, kho CTNH.

 - Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại và hóa đơn chứng từ giao nhận chất thải, thành phần CTR, CTNH; biện pháp phân loại, thu gom CTR, CTNH,...

 - Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

 - Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.